

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Hùng Cường, xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Hùng Cường và khu xen cư thôn Hùng Cường, xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 204/TĐ-KTHT ngày 18/7/2021 về việc báo cáo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình (kèm theo Tờ trình của UBND xã Xuân Thịnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Hùng Cường, xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Hùng Cường, xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Thịnh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND xã Xuân Thịnh.

5. Tổng diện tích mặt bằng quy hoạch: 1,16ha.

6. Giải pháp thiết kế:

6.1. Giao thông

a) *Bình đồ hướng tuyến:* Các tuyến đường được thiết kế theo quy hoạch được duyệt của khu dân cư.

b) *Trắc dọc tuyến:* Cao độ đường đồ tuyến đường thiết kế thiết kế phù hợp với hiện trạng tuyến. Gồm có 04 tuyến đường với tổng chiều dài $L = 643,26\text{m}$, trong đó: tuyến 1 dài $221,10\text{m}$, tuyến 2 dài $120,09\text{m}$, tuyến 3 dài $79,20\text{m}$, tuyến 4 dài $222,87\text{m}$.

c) Mặt cắt ngang

- Tuyến 1:

- + Chiều rộng nền đường: $B_n = 6,74\text{ m}$.
- + Chiều rộng mặt đường: $B_m = 5,0\text{ m}$;
- + Chiều rộng vỉa hè bên trái tuyến: $B_{ht} = 1 \times 1,74\text{m} = 1,74\text{m}$;

- Tuyến 2:

- + Chiều rộng nền đường: $B_n = 6,74\text{ m}$.
- + Chiều rộng mặt đường: $B_m = 5,0\text{ m}$;
- + Chiều rộng vỉa hè bên phải tuyến: $B_{hp} = 1 \times 1,74\text{m} = 1,74\text{ m}$;

- Tuyến 3:

- + Chiều rộng nền đường: $B_n = 6,84\text{ m}$;
- + Chiều rộng mặt đường: $B_m = 5,0\text{ m}$;
- + Chiều rộng vỉa hè bên trái tuyến: $B_{ht} = 1 \times 1,48\text{m} = 1,48\text{m}$;

- Tuyến 4:

- + Chiều rộng nền đường: $B_n = 6,74\text{ m}$.
- + Chiều rộng mặt đường: $B_m = 5,0\text{ m}$;
- + Chiều rộng vỉa hè bên phải tuyến: $B_{hp} = 1 \times 1,48\text{m} = 1,48\text{ m}$;

d) Nền, mặt đường

- Tuyến 1 kết cấu áo đường từ dưới lên như sau:

- + Đắp đất nền đường lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Nilon tái sinh chống mất nước.
- + Mặt đường BTXM M200, đá 1x2, dày 16cm.

- Tuyến 2,3, 4 kết cấu áo đường từ dưới lên như sau:

- + Đắp đất nền đường lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- + Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm.

e) Bó vỉa

Viên bó vỉa vát bằng BTXM M200 kích thước $26 \times 23 \times 100\text{cm}$ tại các đoạn thẳng, kích thước $26 \times 23 \times 40\text{cm}$ tại các đoạn cong. Bó vỉa thẳng dài $154,13\text{m}$, bó vỉa cong dài $24,28\text{m}$, bó vỉa cửa thu dài 9m .

6.2. Rãnh thoát nước mặt:

a) *Tuyến rãnh:*

Rãnh thoát nước mặt chạy dọc theo tuyến đường giao thông có chiều dài $L=476,53\text{m}$, mặt cắt ngang hình chữ nhật kích thước $B \times H=(0,5 \times 0,7)\text{m}$. Có kết cấu như sau: đáy rãnh BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, thành rãnh xây gạch không nung đặc VXM M50, trát thành rãnh VXM M75 dày 1,5cm, mũ mô đồ BTCT M200 đá 1x2, tấm đan BTCT M200 đá 1x2 kích thước $0,7 \times 1,0\text{m}$ dày 12cm.

b) Hố ga thu nước

Kích thước hố ga $1,48 \times 1,48 \times 1,0\text{m}$. Kết cấu hố ga như sau: Đáy hố ga đổ BTXM M200 đá 1x2 dày 15cm, trên lớp bê tông lót M100 dày 10cm, thành hố ga xây gạch không nung đặc VXM M50, trát thành VXM M75 dày 1,5cm, mũ mô đồ BTCT M200 đá 1x2, tấm đan BTCT M200 đá 1x2 kích thước $0,6 \times 1,2\text{m}$ dày 12cm.

6.3. Rãnh thoát nước thải:

Được bố trí phía sau mặt bằng quy hoạch có chiều dài $L=106,15\text{m}$, mặt cắt ngang hình chữ nhật có kích thước $B \times H=(0,4 \times 0,5)\text{m}$. kết cấu rãnh như sau: đáy rãnh BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, thành rãnh xây gạch không nung đặc VXM M50, trát thành rãnh VXM M75 dày 1,5cm, mũ mô đồ BTCT M200 đá 1x2, tấm đan BTCT M200 đá 1x2 kích thước $0,6 \times 1,0\text{m}$ dày 10cm.

6.4. Rãnh chịu lực ngang đường

Rãnh chịu lực ngang đường có chiều dài $L=42\text{m}$, mặt cắt ngang hình chữ nhật có kích thước $B \times H=(0,6 \times 0,7)\text{m}$. Rãnh chịu lực có kết cấu như sau: đáy, thành rãnh đổ BTCT đá 1x2 M200 trên lớp bê tông lót M100 dày 10cm, tấm đan rãnh BTCT M250 đá 1x2 kích thước $0,8 \times 1,0\text{m}$ dày 18cm.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

7.1. Giá trị dự toán: 2.236.923.000 đ.

(Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	1.874.407.000 đ
- Chi phí QLDA	47.082.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	169.176.000 đ
- Chi phí khác	39.739.000 đ
- Chi phí dự phòng	106.520.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch (theo Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện).

8. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2022.

Điều 2. Giao UBND xã Xuân Thịnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Xuân Thịnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN

CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỂM DÂN CƯ MỚI THÔN HÙNG CƯỜNG, XÃ XUÂN THỊNH, HUYỆN TRIỆU SƠN

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	1.704.006.364	170.400.636	1.874.407.000
1	Nền, mặt đường, bó vỉa, thoát nước	1.704.006.364	170.400.636	1.874.407.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	47.081.696		47.081.696
III	CHI PHÍ TTVĐTXD	153.796.070	15.379.607	169.175.677
1	Khảo sát	14.220.909	1.422.091	15.643.000
2	Lập báo cáo KT-KT	89.238.813	8.923.881	98.162.695
3	Tư vấn lựa chọn nhà thầu TCXD	6.611.545	661.154	7.272.699
4	Giám sát thi công xây dựng	43.724.803	4.372.480	48.097.284
IV	CHI PHÍ KHÁC	37.693.494	2.045.187	39.738.681
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	425.015		425.015
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT TCXD	2.000.000		2.000.000
3	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	8.744.961		8.744.961
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	6.071.649		6.071.649
5	Kiểm toán	20.451.869	2.045.187	22.497.056
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	97.128.881	9.391.272	106.520.153
	TỔNG CỘNG (I+II+...+V)	2.039.706.505	197.216.702	2.236.923.000

Hai tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn.